TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2021
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 783/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 2000; thường trú: tổ 4, xã T1, huyện V, thành phố N; tạm trú: Số nhà 115 tổ 12, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1997; thường trú: ấp Vàm Ray, xã H, huyện T, tỉnh T2; tạm trú: 9/36, khu phố B3, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 7 năm 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Lê Thị Hồng H và anh Nguyễn Minh C có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới năm 2017, tuy nhiên đến năm 2019 chị Lê Thị Hồng H và anh Nguyễn Minh C mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh T2 ngày 15/5/2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 38. Sau khi kết hôn vợ chồng ở trọ tại thành phố D, tỉnh B. Trước khi đăng ký kết hôn chị Lê Thị Hồng H và anh Nguyễn Minh C chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 sau khi chị Lê Thị Hồng H sinh con thì vợ chồng phát sinh những mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh Nguyễn Minh C thường ghen tuông vô cớ, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng có trao đổi nhưng tỉnh cảm không được cải thiện. Đến đầu năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị Lê Thị Hồng H chuyển về sinh sống với mẹ đẻ. Chị Lê

Thị Hồng H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày: 15/11/2017. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Hồng H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Minh C cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay Lê Thị Hồng H làm công nhân tại Công ty Jabil, thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng/1 tháng. Anh Nguyễn Minh C lao động tự do, thu nhập bao nhiêu chị Lê Thị Hồng H không rõ.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị Hồng H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh C:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để lấy lời khai, hòa giải, tiếp cận chứng cứ cho anh Nguyễn Minh C nhưng anh Nguyễn Minh C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc giải quyết đảm bảo tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Minh C vắng mặt tại phiên tòa hai lần liên tiếp không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H và anh Nguyễn Minh C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh T2 ngày 15/5/2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Lê Thị Hồng H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, anh Nguyễn Minh C thường ghen tuông vô cớ, vợ chồng không có sự chia sẻ, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Nay, chị Lê Thị Hồng H xác định tình cảm dành cho anh Nguyễn Minh C không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu được ly hôn. Bản thân anh Nguyễn Minh C, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Nguyễn Minh C không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng, yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng H là có cơ sở, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Qúa trình chung sống chị Lê Thị Hồng H và anh Nguyễn Minh C có 01 con chung tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 15/11/2017. Chị Lê Thị Hồng H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Nguyễn Minh C không có ý kiến đối với vấn đề con chung. Xét thấy cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 15/11/2017 là con gái, còn nhỏ, đồng thời chị Lê Thị Hồng H là người có khả năng lao động, có thu nhập hàng tháng ổn định nên có đủ khả năng nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở giao cháu Nguyễn Lê Bảo N cho chị Lê Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Hồng H không yêu cầu anh Nguyễn Minh C cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Nguyễn Minh C có quyền đi lại thăm con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Lê Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng H với anh Nguyễn Minh C.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H được ly hôn với anh Nguyễn Minh C (Giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh T2 cấp ngày 15/5/2019).

1.2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 15/11/2017 cho chị Lê Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Lê Thị Hồng H và anh Nguyễn Minh C đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Hồng H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Minh C cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048619 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B. Chị Lê Thị Hồng H đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố D (1);
- CC THADS thành phố D (1);
- TAND tỉnh B (1);
- UBND xã H, huyện T, tỉnh T2 (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Thị Uyên